

Bản án số: **482/2024/DS-PT**

Ngày: 28-8-2024

V/v “*Tranh chấp đòi lại tài sản và tiền lương*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Bà Kiều Kim Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06/8/2024 và ngày 28/8/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 302/2024/TLPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024, về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản và tiền lương*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2024/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 452/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Tiến D, sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Hợp tác xã D1;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn H, sinh năm 1965 - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc (có mặt);

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Đào Thị N, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị N: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1961 (có mặt); Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Giấy ủy quyền ngày 31/7/2023).

3.2. Đào Ngọc T, sinh năm 1975 (vắng mặt);

3.3. Nguyễn Thị H1, sinh năm 1986 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Tiến D là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Tiến D trình bày: Từ năm 2011 đến năm 2014 ông D giữ chức vụ Giám đốc tại Hợp tác xã D1 nay là Hợp tác xã D1 (còn viết tắt là HTX). Năm 2013 ông D có cho HTX mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất của ông và vợ ông là bà N đứng tên để thế chấp vay tiền tại Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện T (còn viết tắt là Ngân hàng) số tiền là 300.000.000 đồng (trong đó vay cho HTX là 200.000.000 đồng, vay cho cá nhân ông D là 100.000.000 đồng). Đến ngày 28/3/2014 ông D đi đáo nợ số tiền gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi là 32.175.000 đồng (ông D cho rằng trong đó tiền lãi của 200.000.000 đồng là 21.450.000 đồng) nhưng HTX chỉ đưa cho ông D tiền gốc là 200.000.000 đồng không đưa tiền lãi. Đồng thời trong thời gian ông D làm Giám đốc tại HTX thì HTX còn nợ lại tiền lương của ông D năm 2013 là 45.000.000 đồng, tiền theo phiếu thu số: 07 ngày 29/3/2014 là 37.000.000 đồng. Nay ông D yêu cầu HTX có trách nhiệm trả lại cho ông những khoản sau:

Tiền lãi của số tiền gốc 200.000.000 đồng là 21.000.000 đồng. Số tiền này đã trả xong tiền gốc chỉ còn nợ lại tiền lãi là 21.000.000 đồng.

+ Tiền lương năm 2013 Hợp tác xã còn nợ ông D là 45.000.000 đồng.

+ Tiền theo phiếu thu số: 07 ngày 29/03/2014 là 37.000.000 đồng. Phiếu thu là tiền ông D phải nộp cho thanh tra, nhưng sau khi cản trở giải quyết bằng bản án hình sự đến nay HTX chưa trả lại cho ông D.

+ Đầu năm 2014 (ông D còn làm Giám đốc HTX) có cho HTX mượn số tiền 80.000.000 đồng, mục đích mượn tiền là ứng tiền cho nhân viên ăn tết, thời hạn trả là qua tết tới mùa sẽ trả lại, cụ thể là Thủ quỹ của HTX ông Đào Ngọc T ký nhận tiền với ông D. Khi ký nhận có làm biên nhận nhưng hiện nay ông D đã làm thất lạc biên nhận. Nay ông D yêu cầu trả lại số tiền 80.000.000 đồng nêu trên, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn Hợp tác xã D1 có người đại diện theo pháp luật là ông Lê Văn H trình bày: Từ năm 2011 đến năm 2014 ông D làm Giám đốc tại Hợp tác xã D1 nay là Hợp tác xã D1 lúc này ông H chỉ là thành viên của HTX nên việc thu, chi tiền thế nào là do ông D quyết định. Trong cuộc họp của HTX ông D có nêu vấn

đề cho HTX mượn giấy chứng nhận QSD đất của ông D để vay tiền tại Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện T theo hồ sơ Ngân hàng cung cấp thể hiện ngày 09/4/2013 HTX D1 có nhờ ông D vay số tiền 200.000.000 đồng, đến ngày 25/10/2023 thì HTX có trả cho ông D số tiền vốn nêu trên, lãi suất tại thời điểm cho vay là 0,917%/tháng. Như vậy HTX nợ ông D tiền lãi từ ngày 09/4/2013 đến ngày 25/10/2023 là 195 ngày. Được tính $200.000.000 \text{ đồng} \times 0,917\%/tháng \times 195 \text{ ngày} = 11.920.000 \text{ đồng}$.

+ Tiền lương năm 2013 HTX không còn nợ ông D do ông D tạm ứng theo 03 phiếu tạm ứng gồm: Phiếu tạm ứng số: 46 ngày 17/8/2013 với số tiền 30.000.000 đồng, phiếu tạm ứng số: 44 ngày 09/02/2014 với số tiền 10.000.000 đồng, phiếu tạm ứng số: 48 ngày 23/9/2013 với số tiền 5.000.000 đồng. Tổng cộng 45.000.000 đồng.

+ Tiền theo phiếu thu số: 07 ngày 29/3/2014 là 37.000.000 đồng thì HTX không có nợ ông D, do số tiền trên là tiền điện chia hơi mà ông T1 gửi cho ông D trả lại cho HTX. Tuy nhiên, ông D không trả lại cho HTX mà chi xài cá nhân và khi Đ thanh tra kiểm tra xác định số tiền này là tiền của HTX nên ông D giao nộp trả lại cho HTX.

+ Đối với số tiền 80.000.000 đồng thì HTX không có mượn tiền cá nhân ông D và không có ký nhận với ông D như ông D trình bày.

Nay Hợp tác xã D1 không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Qua yêu cầu khởi kiện của ông D, HTX chỉ đồng ý trả cho ông D số tiền lãi còn nợ là 12.000.000 đồng, không đồng ý trả thêm khoản tiền nào nữa hết vì không có nợ. Ngoài ra không trình bày gì thêm.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H1 trình bày:** Chị H1 thống nhất ý kiến của đại diện Hợp tác xã D1, chị H1 thống nhất các ý kiến trình bày của chị trước đây tại Tòa án, đối với số tiền 80.000.000 đồng của ông D cho rằng HTX mượn tiền cá nhân ông D là không đúng. Năm 2013 ông D vừa là Giám đốc vừa là Thủ quỹ HTX nên ông D giữ toàn bộ tiền của HTX, khi ông D đưa tiền không có nói là tiền cá nhân ông D cho mượn vì khoản tiền HTX cho thủy nông tạm ứng ăn tết hàng năm đều có. Nay theo yêu cầu của ông D chị H1 không đồng ý. Ngoài ra không trình bày gì thêm.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt, có ý kiến trình bày như sau:** Ông T thống nhất ý kiến của đại diện Hợp tác xã D1, ông T thừa nhận có nhận từ ông D số tiền 80.000.000 đồng vào khoảng năm 2013-2014, ông T nghĩ là tiền của HTX không phải là tiền của cá nhân ông D, nên ông T không có ký biên nhận số tiền 80.000.000 đồng với ông D. Tiền này ông D đưa ông T nói chi tạm ứng cho nhân viên thủy nông ăn tết nên tiền của ai thì ông không biết. Nay theo khởi kiện của ông D, ông T không có ý kiến hay yêu cầu gì. Ngoài ra không trình bày gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị N có ông D đại diện ủy quyền trình bày: Bà N biết việc ông D cho HTX mượn giấy chứng nhận QSD đất do ông D và bà N đứng tên để vay Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện T số tiền 200.000.000 đồng cho HTX. Ông D đã đi đáo hạn tại Ngân hàng và lấy giấy chứng nhận QSD đất về. Nay ông D yêu cầu HTX trả lại cho ông D số tiền lãi của 200.000.000 đồng là 21.000.000 đồng thì bà N thống nhất để một mình ông D khởi kiện và không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2024/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông (viết tắt bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến D đối với Hợp tác xã D1.

2. Buộc Hợp tác xã D1 có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Tiến D số tiền lãi còn nợ là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến D đối với Hợp tác xã D1 về việc đòi tiền lương 45.000.000 đồng năm 2013.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Tiến D đối với Hợp tác xã D1 về việc cho HTX mượn số tiền 80.000.000 đồng.

5. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Tiến D đối với Hợp tác xã D1 về việc trả lại số tiền 37.000.000 đồng.

6. Về án phí:

- Ông Nguyễn Tiến D là người cao tuổi (hiện 63 tuổi) thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Hợp tác xã D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

- Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Tiến D phải chịu số tiền 13.020.000 đồng (Mười ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) ông Nguyễn Tiến D đã nộp xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/5/2024 nguyên đơn ông Nguyễn Tiến D không đồng ý bản án sơ thẩm, kháng cáo yêu cầu được nhận lại tiền lãi của số tiền gốc 200.000.000 đồng là 21.000.000 đồng; Tiền lương năm 2013 Hợp tác xã D1 còn nợ ông D là 45.000.000 đồng; Tiền theo phiếu thu số 07 ngày 29/3/2014 là 37.000.000 đồng. Phiếu thu là tiền ông D phải nộp cho Thanh tra, nhưng sau khi cản trở giải quyết bằng bản án hình sự đến nay HTX chưa trả lại cho ông D và số tiền 80.000.000 đồng ông D cho HTX mượn để ứng tiền cho nhân viên ăn tết năm 2014.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Tiến D đồng thời ông D đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị N trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông D, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D. Bởi các căn cứ như sau:

+ HTX có nghĩa vụ trả lại cho ông D 21.000.000 đồng tiền lãi, do HTX nhờ ông D vay Ngân hàng dùm 200.000.000 đồng, vợ chồng ông D đã thế chấp giấy chứng nhận QSD đất để được vay tiền và thực tế ông D đã trả tiền lãi này cho Ngân hàng.

+ Số tiền lương năm 2013 của ông D được nhận từ HTX là 45.000.000 đồng, HTX chưa cho trả ông D. Đối với 03 chứng từ tạm ứng lương được lập năm 2014 là không phù hợp, vì thời điểm này ông D đã nghỉ làm tại HTX rồi. Mặt khác, phiếu tạm ứng 30.000.000 đồng được lập vào ngày chủ nhật, còn phiếu tạm ứng 10.000.000 đồng được lập vào ngày thứ bảy là không hợp lệ. Ông D không chấp nhận đối với Kết luận giám định số: 1276/KL-KTHS ngày 23/11/2023 của Phòng K Công an tỉnh Đ, vì chữ ký trong 03 phiếu tạm ứng lương không phải là của ông D.

+ Phiếu thu số 07 ngày 29/3/2014 đối với số tiền 37.000.000 đồng thì ông D có nộp tiền cho HTX nhưng không được trừ vào số tiền 52.000.000 đồng mà ông D phải thi hành án theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2016/HS-ST ngày 31/5/2016 và Bản án hình sự phúc thẩm số: 256/2016/HS-ST ngày 05/8/2016.

+ Số tiền 80.000.000 đồng ông D có ứng cho HTX để chi tiền tết cho nhân viên HTX, việc này có sự chứng kiến của Kế toán, Thủ quỹ của HTX. Trước đây ông D có giấy tạm ứng từ HTX nhưng đã bị mất một và thất lạc mất nhưng HTX đã thừa nhận. Khi ông H nhận quyết định làm Quyền Giám đốc HTX thì không tiến hành họp bàn giao sổ sách và quyết toán với ông D, mà chỉ quyết toán với ông T và ông H2 liên quan đến tiền lương.

- Bị đơn Hợp tác xã D1 có người đại diện theo pháp luật là ông Lê Văn H trình bày: Không thống nhất với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tiến D, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông D và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về tiền lãi HTX chỉ thống nhất trả cho ông D tiền lãi từ

ngày 09/4/2013 đến ngày 25/10/2023 là 195 ngày x 200.000.000 đồng x 0,917%/tháng = 11.920.000 đồng, thống nhất làm tròn là 12.000.000 đồng. Còn các yêu cầu khác của ông D là không có căn cứ nên HTX không thống nhất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H1 trình bày: Thống nhất với trình bày của ông Lê Văn H đại diện cho HTX như nêu trên. Chị H1 yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông D và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của ông Nguyễn Tiến D thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tiến D; tuyên xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2024/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông (Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm số: 429/PB-VKS-DS ngày 28/8/2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tam Nông thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án “*Tranh chấp đòi lại tài sản và tiền lương*” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Việc ông Nguyễn Tiến D nộp đơn kháng cáo vào ngày 06/5/2024 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đào Ngọc T vắng mặt sau khi được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Nguyễn Tiến D trình bày từ năm 2011 đến năm 2014 ông D giữ chức vụ Giám đốc tại Hợp tác xã D1. Năm 2013 ông D có cho HTX mượn giấy chứng nhận QSD đất của vợ chồng ông D để thế chấp vay tiền tại Ngân hàng với số tiền là 300.000.000 đồng (trong đó vay cho HTX là 200.000.000 đồng, vay cho cá nhân ông D là 100.000.000 đồng). Đến ngày

28/3/2014 ông D đi trả tiền vay, số tiền gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi là 32.175.000 đồng, trong đó tiền lãi của khoản vay 200.000.000 đồng là 21.450.000 đồng nhưng HTX chỉ đưa cho ông D tiền gốc là 200.000.000 đồng không đưa tiền lãi. Đồng thời, trong thời gian ông D làm Giám đốc tại HTX thì HTX còn nợ lại tiền lương của ông D năm 2013 là 45.000.000 đồng, tiền theo Phiếu thu số: 07 ngày 29/3/2014 là 37.000.000 đồng. Đầu năm 2014 ông D có cho HTX mượn số tiền 80.000.000 đồng, mục đích mượn tiền là tạm ứng tiền cho nhân viên HTX ăn tết. Nguyên đơn ông Nguyễn Tiến D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc HTX có trách nhiệm trả cho ông D số tiền còn nợ gồm: Tiền lãi là 21.000.000 đồng, tiền lương năm 2013 mà HTX còn nợ ông D là 45.000.000 đồng, tiền theo phiếu thu số: 07 ngày 29/03/2014 là 37.000.000 đồng, tiền mượn 80.000.000 đồng. Bị đơn Hợp tác xã D1 do ông Lê Văn H đại diện hợp pháp chỉ đồng ý trả cho ông D số tiền lãi còn nợ 12.000.000 đồng, ngoài ra không đồng ý trả thêm khoản tiền nào khác. Điều này đã làm phát sinh tranh chấp giữa các đương sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến D đối với Hợp tác xã D1, theo đó buộc HTX có trách nhiệm trả cho ông D số tiền lãi còn nợ là 12.000.000 đồng; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D đối với HTX về việc đòi tiền lương năm 2013 là 45.000.000 đồng, tiền cho HTX mượn là 80.000.000 đồng và trả lại ông D số tiền 37.000.000 đồng là có cơ sở. Bởi các lẽ như sau:

- Tại phiên tòa sơ thẩm ông D và đại diện HTX thống nhất, ông D có vay dùm cho HTX số tiền 200.000.000 đồng bằng tài sản thế chấp là QSD đất do vợ chồng ông D, bà N đứng tên, theo hồ sơ tín dụng thể hiện ngày vay tiền là ngày 09/4/2013, đến ngày 25/10/2023 thì HTX có trả cho ông D số tiền gốc, lãi suất tại thời điểm cho vay là 0,917%/tháng (30 ngày). Như vậy, có căn cứ xác định HTX nợ ông D tiền lãi từ ngày 09/4/2013 đến ngày 25/10/2023 là 195 ngày x 200.000.000 đồng x 0,917%/tháng = 11.920.000 đồng. Đại diện HTX thừa nhận còn nợ tiền lãi của ông D với số tiền 11.920.000 đồng, nên HTX tự nguyện trả cho ông D số tiền lãi là 12.000.000 đồng, xét thấy đây là ý chí tự nguyện của bị đơn và có lợi cho nguyên đơn, nên Tòa án sơ thẩm chấp nhận là phù hợp. Cho nên việc ông D yêu cầu HTX phải có trách nhiệm trả cho ông D số tiền lãi 21.000.000 đồng là có một phần căn cứ, nên chấp nhận một phần đối với số tiền lãi 12.000.000 đồng như nêu trên là có cơ sở.

- Đối với việc ông D cho rằng HTX còn nợ ông D tiền lương năm 2013 tổng cộng là 45.000.000 đồng, còn chữ ký tên và chữ viết họ tên trên 03 phiếu tạm ứng không phải là của ông D, do ông D không có ký tên vào 03 phiếu tạm ứng. Tuy nhiên, căn cứ vào Kết luận giám định số: 1276/KL-KTHS ngày 23/11/2023 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận chữ ký và ghi họ tên trên 03 phiếu tạm ứng là do ông D ký và ghi họ tên. Ngoài ra, tại Biên bản đối chất ngày 03/3/2016 của Công an huyện T giữa ông D, ông T, ông T2, ông H, chị H1 và

Biên bản ghi lời khai của ông D tại Công an huyện T ngày 28/11/2014 thể hiện ông D thừa nhận đã nhận đủ tiền lương năm 2013. Nên có cơ sở xác định HTX đã chi đủ lương cho ông D theo Phiếu tạm ứng số: 46 ngày 17/8/2013 số tiền 30.000.000 đồng, Phiếu tạm ứng số: 44 ngày 09/02/2014 số tiền 10.000.000 đồng và Phiếu tạm ứng số: 48 ngày 23/9/2013 số tiền 5.000.000 đồng. Vì vậy, HTX không còn nợ tiền lương của ông D, nên Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông D là có căn cứ.

- Đối với số tiền theo Phiếu thu số: 07 ngày 29/3/2014 là 37.000.000 đồng thì HTX không có nợ ông D, số tiền này là tiền điện ông T1 còn nợ, ông D có trách nhiệm giao nộp trả lại cho HTX không phải là tiền của cá nhân ông D. Hơn nữa, tại các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm của vụ án hình sự có nội dung thể hiện: *“Tại phiên tòa hôm nay bị cáo còn nại ra rằng số tiền 37.000.000 đồng theo Phiếu thu số: 07 đã nộp trước ngày 29/3/2014 nhưng Đoàn thanh tra không trừ vào số tiền mà bị cáo đã chiếm dụng là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, theo Báo cáo kết quả kiểm tra số: 03/BC-CC ngày 24/3/2014 (Bút lục 285 đến 290) của Ban chỉ đạo phát triển kinh tế huyện T buộc bị cáo D phải nộp trả số tiền 37.000.00 đồng cho HTX. Vì số tiền này ông T1 gửi trả HTX nhưng bị cáo D nhận không nhập quỹ HTX đến ngày 29/3/2014 bị cáo D nộp trả HTX. Do đó đến khi Đoàn thanh tra liên ngành làm việc không tính số tiền 37.000.000 đồng mà bị cáo D đã nộp trước đó để tính vào số tiền chiếm đoạt...”*. Do đó, yêu cầu này của ông D không được Tòa án sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

- Đối với số tiền 80.000.000 đồng ông D cho rằng đây là tiền của cá nhân ông D cho HTX mượn, nên yêu cầu HTX phải hoàn trả lại cho ông D. Xét thấy ông D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông D đã cho HTX mượn 80.000.000 đồng. Mặt khác, ông Đào Ngọc T và chị Nguyễn Thị H1 thừa nhận thời điểm đó ông D có đưa tiền cho Kế toán và Thủ quỹ chi tạm ứng cho nhân viên thủy nông ăn tết, khi đưa không có ký nhận giấy tờ gì hết, cũng như nói tiền của cá nhân ông D cho mượn, khi đó ông D là người giữ quỹ HTX, việc này ông D đã thừa nhận thời điểm đó ông D là Chủ nhiệm HTX có giữ quỹ của HTX. Ngoài ra, theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2016/HS-ST ngày 31/5/2016 và Bản án hình sự phúc thẩm số: 256/2016/HS-ST ngày 05/8/2016 nhận định ông D khi còn là Chủ nhiệm HTX tự thu, tự chi, giữ quỹ HTX, nên bị truy cứu trách nhiệm với tội danh: *“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”*. Do đó, ông D không chứng minh được có đưa cho HTX tạm ứng số tiền 80.000.000 đồng là tiền của cá nhân ông D cho mượn, việc này cũng không được đại diện hợp pháp của HTX thừa nhận. Vì vậy, Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông D là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa ông Nguyễn Tiến D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, trình bày của ông D là không có đủ căn cứ, đồng thời ông D cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu

kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tiến D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của ông Nguyễn Tiến D không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, do ông D thuộc trường hợp là người cao tuổi và có đơn xin miễn tạm ứng án phí và án phí, nên được xét miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tiến D;
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2024/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.
3. Về án phí dân sự phúc thẩm:
Ông Nguyễn Tiến D được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- TAND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Quang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Ngô Tấn Lợi